

LỊCH SỬ
CƠ ĐỐC GIÁO
VIỆT NAM THẾ KỶ
16-19

血紅的桂冠:十六至十九世紀越南基督教政策研究

COPYRIGHT © 鄭永常

LỊCH SỬ CƠ ĐỐC GIÁO VIỆT NAM THẾ KỶ 16-19

Tác giả: Trịnh Vĩnh Thường

Dịch và khảo chú: Nguyễn Phúc An

Bản tiếng Việt được xuất bản theo thỏa thuận độc quyền giữa Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và Dịch giả Nguyễn Phúc An - người đại diện được Tác giả (chủ sở hữu Tác phẩm) ủy quyền

Bản dịch tiếng Việt © Nguyễn Phúc An, 2024

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2024

Ảnh trên bìa: Lễ ký hòa ước Pháp - Việt ngày 25.8.1883, Le Monde Illustré, số ra ngày 27.10.1883, tr. 268, Thư viện Quốc gia Pháp

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị – Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản hơn 300 đầu sách thuộc 7 tủ sách bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đòi người và Tủ sách Y sinh (Medinsights). Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng; Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và/hoặc Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trịnh Vĩnh Thường

Lịch sử Cơ Đốc giáo Việt Nam thế kỷ 16 - 19 : Sách tham khảo / Trịnh Vĩnh Thường ; Nguyễn Phúc An dịch và khảo chú. - H. : Hồng Đức ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2024. - 468 tr. ; 24 cm
ISBN 978-604-89-8583-7

1. Lịch sử 2. Cơ Đốc giáo 3. Việt Nam 4. Sách tham khảo

275.97 - dc23

HDL0034p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: hoptac@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

TRỊNH VĨNH THƯỜNG

LỊCH SỬ
CƠ ĐỐC GIÁO
VIỆT NAM THẾ KỶ
16-19

Nguyễn Phúc An dịch và khảo chú
(Sách tham khảo)

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA*

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương
Điều phối sản xuất: Nguyễn Quang Diệu
Biên tập viên: Lê Nguyên Thảo
Thiết kế bìa: Khánh Hoàng
Trình bày: Minh Thái
Thư ký xuất bản: Vũ Thị Giang

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG

TRẠM ĐỌC



<https://www.facebook.com/tramdocvn>
website: <http://tramdoc.vn/>

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| HẠ TỰ | 9 |
| LÝ TỰ | 13 |
| CỔ TỰ | 21 |
| TỰ TỰ | 27 |
| Chương một: DẪN LUẬN | 37 |
| Chương hai: SỰ TRUYỀN BÁ VÀ XUNG ĐỘT CỦA CƠ ĐỐC GIÁO Ở QUẢNG NAM THẾ KỶ 17 | 49 |
| Chương ba: LINH MỤC ABRAHAM LE ROYER Ở ĐÀNG NGOÀI (1692-1715) | 115 |
| Chương bốn: SỨ MỆNH THẦN THÁNH VÀ PHÉP LỚN NƯỚC NHÀ: HAI CÁI ÁN TÔN GIÁO Ở ĐÀNG NGOÀI NĂM 1721 VÀ 1737 | 169 |
| Chương năm: THÁI ĐỘ CỦA NHÀ TÂY SƠN (1771-1801) ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC GIÁO | 219 |

| | |
|--|-----|
| Chương sáu: CHÍNH SÁCH CỦA VUA GIA LONG VÀ VUA MINH MẠNG (1802-1840) NHÀ NGUYỄN ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC GIÁO | 245 |
| Chương bảy: CHÍNH SÁCH CỦA VUA THIỆU TRỊ VÀ VUA TỰ ĐỨC TRIỀU NGUYỄN (1841-1858) ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC GIÁO | 295 |
| Chương tám: SỰ THỎA HIỆP VÀ ĐIỀU CHỈNH THÍCH HỢP CỦA VUA TỰ ĐỨC ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC GIÁO (1859-1883) | 329 |
| Chương chín: KẾT LUẬN | 369 |
| BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN RIÊNG LA-TINH - HÁN | 448 |
| MỤC TỪ TRA CỨU | 451 |
| THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA TÁC GIẢ | 457 |
| THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA NGƯỜI DỊCH | 465 |

Dành tặng cuốn sách này cho vợ của tôi, Trịnh Huệ Phân

HẠ TỰ

(Lời tựa của Hạ Bá Gia¹)

Người trong nước làm sách sử, chuyên đọc một ít về Hán tịch ngoài khu vực, nhưng lại rất ít nghiên cứu về lịch sử và văn hóa của các nước khác. Giáo sư Trịnh Vĩnh Thường hơn mười năm dùi mài nghiên cứu lịch sử quan hệ Việt Nam-Trung Hoa, đã có những trước tác xuất sắc trong nghiên cứu về mối quan hệ Việt Nam-Trung Hoa đời Hồng Vũ, Vĩnh Lạc đầu thời nhà Minh, cũng như trong lĩnh vực lịch sử hải dương Đông Á thời nhà Minh. Tác phẩm gần đây: *Lịch sử Cơ Đốc giáo Việt Nam thế kỷ 16-19* chính là trước tác xuất sắc hơn mười năm trời nghiên cứu của giáo sư Vĩnh Thường.

Sự truyền bá đạo Thiên Chúa ở Đông Á và Đông Nam Á, bắt đầu từ những năm 1540 khi Xaviê² sáng lập giáo vụ của giáo sĩ Dòng Tên Tây Ban Nha, kế thừa sự mở rộng đường biển tại châu Á của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, kết thúc dưới sự hỗ trợ của chủ nghĩa thực dân Pháp

-
1. Giáo sư Hạ Bá Gia là chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực lịch sử châu Âu cận đại. Ông là Viện sĩ của Viện Nghiên cứu Trung ương Đài Loan. Hiện đang giảng dạy tại Đại học Bang Pennsylvania, Mỹ - BT. (Trong sách này, cước chú của biên tập viên sẽ viết tắt là BT, của dịch giả là ND, những cước chú còn lại là của tác giả).
 2. Thánh Phanxicô Xaviê (1506-1552), nhà truyền giáo người Navarre thuộc Tây Ban Nha. Ông là một trong số các thành viên sáng lập ra Dòng Tên - BT.

thế kỷ 19-20. Ngày nay, đất nước có số dân theo đạo Thiên Chúa nhiều nhất ở châu Á là Philippines, tiếp đến là Việt Nam, tín đồ Thiên Chúa có đến 5.700.000 người, chiếm 6.78% tổng dân số. Đạo Thiên Chúa xuất hiện ở Việt Nam vào thế kỷ 16 dưới triều nhà Lê, tại cảng thông thương duyên hải. Thế kỷ 17, họ Trịnh nắm quyền triều chính, còn vua Lê ở Đàng Ngoài (Hà Nội [Thăng Long]) lại như bù nhìn, trong khi đó họ Nguyễn ở Quảng Nam lấy Thuận Hóa làm đại bản doanh, tuy xa xôi chính sóc triều đình nhà Lê, thực chất cũng độc lập tự chủ, phân chia triều đình và chống cự họ Trịnh ở miền Bắc. Đàng Trong và Đàng Ngoài chiến tranh liên miên, xã hội đầy động bất an, tạo thành cơ sở truyền bá rộng rãi của đạo Thiên Chúa trong giới bình dân.

Từ sau năm 1555, người Bồ Đào Nha đứng vững ở Ma Cao, đạo Thiên Chúa Dòng Tên theo đó cũng lấy Hào Kính làm đại bản doanh, hỗ trợ các giáo vụ ở Trung Hoa và Nhật Bản. Dòng họ Tokugawa (徳川) ở Nhật Bản cũng hoàn thành đại nghiệp thống nhất, và năm 1614 thủ lĩnh ấy cấm Cơ Đốc giáo, sau đó nhiều lần đàn áp đánh đập, đạo Thiên Chúa không thể đứng được trên đất Nhật Bản, còn ở tỉnh dòng Nhật Bản của Dòng Tên ở Ma Cao bị ép phải chuyển di chủ lực, đổi đến Nam Hải, Việt Nam mở rộng giáo vụ. Thế kỷ 17 là thời kỳ phát triển mạnh mẽ nhất của đạo Thiên Chúa ở Việt Nam. Các giáo sĩ Dòng Tên ở Ma Cao, theo thương thuyền đến Việt Nam, và chính quyền hai họ Nguyễn, Trịnh cũng tích cực hoan nghênh những lợi ích và vũ khí Tây phương do thương mại Ma Cao-Việt Nam mang đến. Vào cuối thế kỷ 17, Hội Thừa sai Paris lấy nước Xiêm làm cơ sở cũng đặt chân vào Việt Nam, cạnh tranh phát triển giáo vụ với Dòng Tên. Trong tình trạng đạo Thiên Chúa lan rộng khắp các tỉnh thành ở Việt Nam, các quan lại tôn sùng Nho gia chính thống và vương thất họ Nguyễn lẫn họ Trịnh bắt đầu cảm thấy đạo Thiên Chúa là tai họa ngầm. Sau nhiều lần cấm đạo không được vào thế kỷ 18, giới cầm quyền đã đại khai sát giới, tạo thành

nhiều lần giáo nạn, các nhà truyền giáo phương Tây cùng với linh mục và tín đồ Việt Nam tuân đạo lên đến hàng trăm người.

Giáo sư Trịnh Vĩnh Thường đã thu thập và phân tích trong sử liệu Trung-Việt-Pháp, sắp xếp lại danh sách tên các nhà truyền giáo ngoại quốc đến Việt Nam cùng những sự kiện liên quan, cũng chính là đặt sự thật lịch sử của đạo Thiên Chúa vào trong bối cảnh lớn của lịch sử chính trị Việt Nam, thảo luận nguyên nhân đối kháng giữa chính quyền họ Nguyễn và họ Trịnh với phản loạn nhà Mạc ở Đông Bắc trong việc trấn áp Thiên Chúa giáo. Với quyển sách này, lịch sử 300 năm – từ khi đạo Thiên Chúa được truyền bá ở Việt Nam vào thế kỷ thứ 16 cho đến cuối thế kỷ 19, khi vua Tự Đức nhà Nguyễn dỡ bỏ lệnh cấm đạo dưới sức ép mạnh mẽ của Pháp – lần đầu tiên ra mắt giới học thuật. Xin được chúc mừng.

Hạ Bá Gia

Đông Chí năm 2014

LÝ TỰ

(Lời tựa của Lý Bá Trọng¹)

Sự hưng khởi của lịch sử toàn cầu, là một trong những tiến triển quan trọng nhất xuất hiện trong gần hai mươi năm trở lại đây trên diễn đàn sử học quốc tế. Lịch sử toàn cầu (global history) còn gọi là “Tân sử thế giới” (new world history), hưng khởi ở Mỹ trong nửa sau thế kỷ 20, ban đầu chỉ là một môn học mới xuất hiện trong cuộc cách mạng giáo dục lịch sử, mục đích là để giảng thuật lịch sử thế giới từ góc độ mới, sau đó không ngừng phát triển lớn mạnh, dẫn đến một làn sóng “chuyển hướng toàn cầu” (global turn) trong ngành sử học. Cho đến hôm nay, lịch sử toàn cầu đã phát triển thành một ngành khoa học sử học mới.

Sự khác nhau lớn nhất giữa lịch sử toàn cầu và lịch sử thế giới trước đây, chính là phải phá vỡ giới hạn của những quốc gia ngày nay, đặt các khu vực của thế giới vào trong mạng lưới liên kết lẫn nhau, nhấn mạnh tác dụng tự thân của chúng. Lịch sử toàn cầu chính là việc coi toàn cầu là góc nhìn nghiên cứu, phủ định “bản vị quốc gia”,

1. Lý Bá Trọng là một nhà sử học kinh tế Trung Quốc. Hiện ông là giáo sư Khoa Lịch sử và là người hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đại học Thanh Hoa - BT.

đặt “không gian xã hội” làm đơn vị cơ bản của lịch sử thẩm thị, do đó nhấn mạnh việc tiến hành bình đẳng và khảo sát toàn diện đối với ngữ cảnh toàn cầu, đối với lịch sử của những khu vực khác nhau. Vì vậy, các nhà sử học toàn cầu mong muốn thoát khỏi trung tâm luận châu Âu, cho rằng “sự giao lưu qua lại với nhân tố ngoại lai chính là động lực thúc đẩy chủ yếu của công cuộc thay đổi xã hội”¹, chủ trương nghiên cứu “tương tác liên văn hóa” (跨文化互動), xây dựng một nhãn quan lịch sử “cho rằng các dân tộc và các nền văn minh trong mỗi khu vực trên thế giới đều xuất phát ở trên một vị trí bình đẳng, đều có quyền yêu cầu cho mình một sự suy xét và khảo sát đồng đẳng, không chấp nhận một sự kinh lý của bất cứ dân tộc nào hay bất cứ nền văn minh nào chỉ là một thứ không có ý nghĩa ở ngoại vi rồi bài xích”.²

Nhưng cũng giống như một người không thể túm lấy tóc của mình để kéo mình ra khỏi địa cầu vậy, nhà sử học cũng khó khắc phục được sự ảnh hưởng của thời đại mà ông ta đang sống, văn hóa truyền thống và quan niệm giá trị lên quan điểm của sử học, do đó để thực hiện được đến mức công bình khách quan thực sự thì vô cùng khó khăn. Đặc biệt là học giả phương Tây, do nền sử học phương Tây đã trở thành chủ lưu của nền sử học quốc tế, và sử học phương Tây không thể tránh được việc mang nền văn hóa và giá trị quan phương Tây, còn trong không gian mới của nền lịch sử toàn cầu này thì những học giả phi phương Tây, cũng nên và buộc phải có những hành động lớn hơn. Quyển sách này chính là sự nỗ lực quan trọng mà ông Trịnh Vĩnh Thường đã làm trên phương diện này.

-
1. William H. McNeill, “Hình dạng đang thay đổi của lịch sử thế giới” (The Changing Shape of World History), *History and Theory* (Lịch sử và lý thuyết), 1995, tập 34, số 2.
 2. Geoffrey Barraclough, *Xu thế chủ yếu sử học đương đại* (當代史學主要趨勢), Bắc Kinh, Nxb. Đại học Bắc Kinh, 2006, tr. 126.

Quyển sách này lấy bối cảnh là thời đại khám phá, tập trung vào sự gặp gỡ và quá trình của đạo Thiên Chúa truyền vào Việt Nam thế kỷ 16 đến thế kỷ 19, và sự đáp trả mà Việt Nam với vai trò là nhà cầm quyền làm trọng tâm, đồng thời đi sâu nghiên cứu tỉ mỉ về vấn đề giao lưu văn hóa phương Tây ở buổi đầu thời cận đại và lịch sử Việt Nam, cũng như đưa ra được một kết luận khiến người ta tin phục.

Phạm vi không gian, thời gian được lựa chọn trong quyển sách chính là Việt Nam vào thế kỷ 16 đến thế kỷ 19, chủ đề là văn hóa ngoại lai trong khoảng thời gian này - Thiên Chúa giáo - đã trải qua trong khu vực này. Ba yếu tố trên, thực sự rất có ý nghĩa đối với nghiên cứu lịch sử toàn cầu.

Đầu tiên, tuy cho rằng toàn bộ lịch sử của nhân loại đều là lịch sử toàn cầu¹, nhưng phần lớn học giả cho rằng phải đến sau khi toàn cầu hóa kinh tế bắt đầu, phần lớn khu vực trên thế giới mới liên kết lại với nhau một cách mật thiết. Nói về mặt ý nghĩa này, “lịch sử thế giới” là từ khoảng năm 1500, mới trở thành “lịch sử toàn cầu”.

Thứ đến, ngày nay, trong nghiên cứu lịch sử toàn cầu ở Đông Á, Việt Nam là một khu vực ít được nghiên cứu. Việt Nam là một trong những quốc gia trọng yếu nhất của Đông Á. Năm 2014, dân số Việt Nam chính thức đột phá ngưỡng 90 triệu, trở thành một nước có dân số cao thứ 14 trên toàn thế giới, ở khu vực Đông Á chỉ đứng sau Trung Quốc, Nhật Bản và Indonesia. Giữa thế kỷ 20, vì chiến tranh mà Việt Nam trở thành

1. Ví dụ như Jerry Bentley và Herbert Ziegler đã nêu ra trong tác phẩm *Tân toàn cầu sử: sự kế thừa và giao lưu của văn minh* (Traditions & Encounters: A Brief Global History): sự bắt đầu của “lịch sử toàn cầu” là vào năm 3500 trước Công nguyên (TCN), đến nay đã trải qua bảy giai đoạn: 1. Giai đoạn phức tạp ban đầu (từ năm 3500-500 TCN); 2. Tổ chức xã hội cổ điển (năm 500 TCN-500); 3. Thời đại hậu cổ điển (năm 500-1000); 4. Thời đại giao lưu liên văn hóa (năm 1000-1500); 5. Nền móng nhất thể hóa toàn cầu (năm 1500-1800); 6. Thời đại cách mạng, công nghiệp và đế quốc (1750-1914); và 7. Tổ chức lại toàn cầu hiện đại (từ năm 1914 đến nay).

tiêu điểm gây chú ý của thế giới. Trong những năm gần đây, kinh tế phát triển vượt bậc, giúp Việt Nam có vị trí ngày càng quan trọng trong thế giới Đông Á.

Thứ ba, nội dung quan trọng của lịch sử toàn cầu chính là sự trỗi dậy của phương Tây cùng với việc mở rộng ra toàn cầu của nó. Sự mở rộng này bao gồm cả việc mở rộng văn hóa, mà sự mở rộng văn hóa này lại dựa vào việc truyền bá Cơ Đốc giáo (bao gồm đạo Thiên Chúa [sic, Công giáo] và đạo Tin Lành) làm tiên phong dẫn đạo. Thế giới Đông Á (bao gồm cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á) chính là mục tiêu chủ yếu của việc mở rộng toàn cầu (đặc biệt là vào thời kỳ đầu), mục tiêu đầu tiên nhất của hoạt động hàng hải chính là khai thác con đường biển mới đến Trung Hoa. Do đó đạo Thiên Chúa cũng theo thuyền buôn và tàu chiến của phương Tây mà đến Đông Á bằng một hình thái mới. Sự truyền bá đạo Thiên Chúa đạt được thành công ở Philippines, cũng có một thành tích tương đối ở Nhật Bản và Trung Hoa, nhưng theo sau đó lại rơi vào hoàn cảnh khốn đốn thậm chí là bị diệt cả gốc rễ. Về mặt này, thành quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã có nhiều thành tựu to lớn. Nhưng tình hình truyền bá của đạo Thiên Chúa tại những khu vực khác ở Đông Á thì như thế nào, những nghiên cứu liên quan vẫn còn chưa đầy đủ, do đó đây là một khía cạnh cần được đào sâu trong nghiên cứu lịch sử toàn cầu.

Trong lịch sử truyền bá đạo Thiên Chúa ở Đông Á, Việt Nam là một khu vực hết sức quan trọng. Đại khái vào khoảng năm 1533, các nhà truyền đạo Thiên Chúa đã vào được khu vực Nam Định của Việt Nam để truyền giáo, do đó việc du nhập đạo Thiên Chúa vào Việt Nam sớm hơn cả Trung Hoa và Nhật Bản. Trải qua khoảng 5 thế kỷ gian nan trắc trở, ngày nay đạo Thiên Chúa vẫn là một trong hai tôn giáo lớn và quan trọng nhất của Việt Nam (đạo Thiên Chúa và đạo Phật), trước mắt tín đồ Thiên Chúa giáo ước khoảng 6 triệu, con số này chỉ đứng sau

Philippines và Trung Hoa đại lục ở châu Á (bao gồm cả giáo hội hầm trú), nhưng nó chiếm tỉ lệ dân số và sức ảnh hưởng xã hội cao và xa hơn Trung Hoa. Tuy là trong những năm gần đây có một số thành quả nghiên cứu về lịch sử truyền bá đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, nhưng số lượng còn rất ít, chủ yếu là những tác phẩm của người phương Tây (bao gồm cả người Việt Tây hóa ở phương Tây), có một số tác phẩm được viết bởi những nhà sử học không chuyên¹, trình độ học thuật còn cần phải nâng cao hơn nữa. Do đó, mãi cho đến ngày hôm nay, chúng ta vẫn còn biết rất ít về sự truyền bá đạo Thiên Chúa ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu lịch sử toàn cầu, Việt Nam là một quốc gia không thể bỏ qua, còn đối với Trung Hoa mà nói, càng phải như vậy. Việt Nam là một trong những quốc gia có lịch sử được ghi chép sớm nhất ở Đông Á, có lịch sử thành văn có thể truy ngược đến hơn hai ngàn năm trước, còn sớm hơn cả Nhật Bản và Hàn Quốc. Đồng thời, Việt Nam cũng là một quốc gia có ngọn nguồn sâu nhất với Trung Hoa. Trong hai ngàn năm qua, có một nửa thời gian Việt Nam là thuộc quốc của Trung Hoa, cùng nhau chia sẻ lịch sử chung. Trong một ngàn năm sau khi Việt Nam giành được độc lập trên thực tế vào thế kỷ 10, tuy rằng có những lúc phân tranh với Trung Hoa, nhưng về đại thể thì đã giao thiệp hòa hợp, quan hệ mật thiết với nhau, như tên nước chính thức của Việt Nam hiện nay, cũng là hoàng đế Gia Khánh nhà Thanh ban cho năm 1802². Giữa thế kỷ 19 trở đi, Việt Nam trở thành thuộc địa

-
1. Hai tác phẩm quan trọng nhất trong số đó là *Việt Nam giáo sử* (History of the Catholic Church in Vietnam) và *The Catholic Church in Vietnam* lại được viết bởi hai giáo sĩ là Patrick O'Connor và Phan Phát Huồn. Các lựa chọn tư liệu và lập luận của những tác phẩm này khó tránh khỏi sự thiên vị, lập trường và quan điểm của họ cũng chưa được khách quan.
 2. *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* (嘉慶重修一統志), quyển 553: “Đầu tiên, Nguyễn Phúc Ánh dâng biểu xin ban cho hai chữ ‘Nam Việt’.” Thượng dụ đại học sĩ nói: “Tên ‘Nam Việt’, bao hàm rất rộng. Khảo ở sử trước, tức là Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay cũng bao gồm cả trong đấy. Nguyễn Phúc Ánh chỉ có An Nam, cũng chẳng

của Pháp. Dưới sự cưỡng chế của nhà cầm quyền thực dân, bắt đầu quá trình “khử Trung Quốc hóa”, dần dà phai nhạt đi ra ngoài vành đai văn hóa chữ Hán Đông Á. Nhưng sự liên hệ mật thiết trong hai ngàn năm, khiến cho hai nước Việt Nam và Trung Quốc là những lân bang có quan hệ mật thiết nhất. Tiếc một điều là, do nhiều nguyên nhân mà người Việt Nam có trình độ nghiên cứu về lịch sử của mình không cao¹, sự hứng thú của thế giới phương Tây đối với lịch sử Việt Nam cũng có giới hạn, còn người Trung Quốc cũng thiếu sự coi trọng nên có về lịch sử Việt Nam. Thêm việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam gặp khó khăn rất lớn khi phải dấn thân vào những tư liệu lịch sử bằng chữ: Hán, Nôm, Việt La-tinh hóa [chữ quốc ngữ], Bồ Đào Nha, Ý, Tây Ban Nha và Pháp. Vì vậy, lịch sử Việt Nam còn là một môn khoa học vẫn chưa được khai thác. Do đó, cho đến ngày nay, giới học thuật quốc tế vẫn còn rất thiếu sót trong việc hiểu về lịch sử Việt Nam. Trong tình trạng này, cần phải đặt việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam vào trong nghiên cứu lịch sử toàn cầu. Việc này nói dễ hơn làm!

Quyển sách này vừa đúng là một chuyên đề có thể bù đắp cho những thiếu sót kể trên. Vĩnh Thường tiến hành nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong nhiều năm, có hai quyển sách nghiên cứu chuyên sâu là *Sự hưng thịnh và suy thoái của văn học chữ Hán ở An Nam* (漢文文學在安南的興替) (Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1987) và *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam-Trung Quốc đời Minh* (政戰與棄守:

qua là đất xưa Giao Chỉ, làm sao được xưng là ‘Nam Việt’? Nước ấy đầu tiên chỉ có đất xưa Việt Thường, sau có toàn lãnh thổ An Nam. Thiên triều ban cho quốc hiệu, chỉ dùng hai chữ ‘Việt Nam’, dùng chữ ‘Việt’ ở trên ấy, vẫn là cương vực đời trước đó; lấy chữ ‘Nam’ ở dưới, thể hiện sự ban phong mới; và lại còn ở phía Nam Bách Việt, chép trong *Thời hiến thư* (時憲書), lấy chữ ‘An Nam’ đổi thành ‘Việt Nam’.”

1. Một nguyên nhân đó là sự đứt gãy văn hóa do “khử Trung Quốc hóa” tạo nên, rất ít người Việt Nam đọc được những văn tịch sử liệu tiếng Trung và những tư liệu lịch sử Việt Nam được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm từ giữa thế kỷ 19 trở về trước.

明代中越關係研究) (Nxb. Đại học Thành Công, 1998) cùng với nhiều tiểu luận đã được công bố. Theo sự hiểu biết hạn hẹp của tôi, ông có lẽ là một học giả có thành quả nhiều nhất về phương diện nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời kỳ đầu cận đại trong giới sử học bằng tiếng Trung. Về phương diện nghiên cứu đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, ông cũng có nhiều tiểu luận đã xuất bản, nắm bắt được rất tốt chính sách đạo Thiên Chúa của nhà nước Việt Nam thời cận đại và tình huống thực thi của chúng, hệ thống và phân tích những khó khăn mà các nhà truyền giáo đã gặp phải khi truyền giáo ở Việt Nam, cùng với thái độ và chính sách của nhà cai trị Việt Nam đối với đạo Thiên Chúa, giúp độc giả có cái nhìn rõ ràng về lịch sử phát triển của đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, cũng có thể thảo luận so sánh với các quốc gia khác ở Đông Á. Tác giả chỉ ra: lịch sử đạo Thiên Chúa ở Việt Nam liền một mối với sự biến thiên lịch sử Đông Á, là một bộ phận của lịch sử phát triển Cơ Đốc giáo Đông Á (Thiên Chúa giáo [sic] và Tin Lành), cũng là một khâu trong hệ thống thương mại khi người phương Tây đến phương Đông để buôn bán trong thời đại khám phá. Thông thường ta cho rằng, sau khi người phương Tây đến Việt Nam, dựa vào sức mạnh quân sự, biến Việt Nam thành thuộc địa, và Việt Nam thì chỉ còn cách phải nghe theo thiên mệnh, thuận theo một cách tiêu cực. Nhưng quyển sách này còn chỉ ra: người Pháp gặp phải sự cản trở và khó khăn còn lớn hơn cả việc buôn bán ở đây. Đây mới là sự khiêu chiến thực sự trong việc giao lưu văn hóa Đông Tây, càng có thể trình bày ra ý nghĩa nội hàm của xung đột. Tác giả chỉ ra rằng: Chúng ta nên hiểu thế nào về hành vi cấm đạo Cơ Đốc và sát hại các nhà truyền giáo của các nước Đông Á từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19? Nếu chỉ vì lý do “tự do tín ngưỡng tôn giáo” hay sự bạo chính phương Đông để giải thích cho hành vi lịch sử lúc bấy giờ, thì có chút thiếu trách nhiệm.

Tôi và Vĩnh Thường quen biết nhau đã 20 năm trời, biết rõ anh là một người có lòng nhiệt thành và chấp trước đối với học thuật. Tuy trong

20 năm qua, chúng tôi không gặp nhau nhiều, nhưng tôi luôn quan tâm đến những nghiên cứu của anh. Đặc biệt là sau khi anh đến giảng dạy ở Đại học Thành Công, đạt rất nhiều thành quả về mặt nghiên cứu lịch sử giao lưu giữa Đông Nam Á và Trung Quốc. Còn hứng thú nghiên cứu của tôi trong mấy năm gần đây cũng dần chuyển hướng sang Trung Quốc trong tầm nhìn lịch sử toàn cầu thời gian đầu cận đại, do đó cũng càng phải chú ý hơn đối với những nghiên cứu của anh. Đặc biệt là về lịch sử Việt Nam, trước đây tôi hầu như không biết gì, những năm gần đây tôi học được nhiều điều bổ ích từ trong những nghiên cứu của anh. Do vậy, nhân dịp quyển sách này sắp sửa được ra đời, Vĩnh Thường không chê tôi là người ngoài ngành mà nhờ tôi viết tựa cho anh, tôi cũng mạo muội, vui vẻ viết, mục đích là hy vọng có nhiều hơn nữa những nhà làm sử cảm thấy hứng thú với lịch sử toàn cầu như tôi, có thể đọc nhiều hơn những trước tác nghiên cứu ưu tú như quyển sách này, từ đó có thể mở rộng được tầm nhìn của mình, trong việc học tập có thể bước lên một tầng cao hơn nữa. Trên đây là lời tựa.

Lý Bá Trọng

Thanh Thủy Loan, Hồng Kông

Ngày 11 tháng 2 năm Ất Mùi